

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ V
TỈNH VINH PHÚC

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 193/2024/HS-ST
Ngày 20 - 12 - 2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ V, TỈNH VINH PHÚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Đặng Phú Lâm

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lưu Văn Hà

Ông Bùi Thanh Bình

- Thư ký phiên toà: Bà Trần Thị Thanh Huệ - Thư ký Toà án nhân dân thành phố V.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố V tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thu Trang - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 12 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố V, tỉnh Vĩnh Phúc xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 179/2024/TLST-HS ngày 01 tháng 11 năm 2024, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 198/2024/QĐXXST-HS ngày 29 tháng 11 năm 2024 đối với bị cáo:

Dương Đức L, sinh ngày 16 tháng 11 năm 1986 tại Vĩnh Phúc; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: TDP V1, phường K1, thành phố V, tỉnh Vĩnh Phúc; nghề nghiệp: Tự do; trình độ văn hóa: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Dương Xuân H1 và bà Nguyễn Thị Phi N; có vợ là Hoàng Thị H2; con: chưa có; tiền sự: Không; tiền án: 02 tiền án: + Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 29/2012/HSST ngày 04/7/2012 của Tòa án nhân dân huyện B và Bản án hình sự phúc thẩm số 29/2012/HSPT ngày 05/9/2012 của Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc xử phạt Dương Đức L 10 năm tù về tội “Cướp tài sản” (trị giá tài sản chiếm đoạt là 90.000.000đ) theo quy định tại điểm c, d, đ, e khoản 2 Điều 133 Bộ luật hình sự năm 1999; án phí hình sự sơ thẩm 200.000đ, án phí dân sự trong hình sự 3.108.000đ, liên đới bồi thường cho bị hại số tiền 186.497.000đ (kỷ phần L phải bồi thường là 62.166.000đ). Ngày 17/10/2019, L thi hành xong hình phạt tù. Ngày 31/3/2014, L thi hành xong khoản án phí sơ thẩm và phúc thẩm, tháng 5/2015 đã bồi thường cho bị hại; + Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 02/2010/HSST ngày 26/01/2010 của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Vĩnh Phúc xử phạt Dương Đức L 02 năm tù về tội “Hủy hoại tài sản” (trị giá tài sản hủy hoại là 10.062.679đ) theo quy định tại khoản 1 Điều 143 Bộ luật hình sự năm 1999; án phí 200.000đ. Ngày 28/8/2011 L thi hành xong hình phạt tù. Ngày 20/9/2010, L thi hành xong khoản án phí.

- Nhân thân: Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 128/2005/HSST ngày 14/11/2005 của Tòa án nhân dân huyện T2, thành phố Hà Nội xử phạt Dương Đức L 8 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” (trị giá tài sản trộm cắp là 5.000.000đ) theo quy định tại khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự năm 1999; án

phí 50.000đ. Ngày 09/4/2006 L thi hành xong hình phạt tù. Ngày 29/8/2008 L thi hành xong khoản án phí (đã được xóa án tích).

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 06/6/2024 đến ngày 15/6/2024 được thay thế bằng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú, hiện tại ngoại tại địa phương (có mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

+ Anh Nguyễn Kim G, sinh năm 1980; trú tại: Tổ dân phố ĐN, thị trấn HC, huyện B, tỉnh Vĩnh Phúc (vắng mặt).

+ Anh Trần Ngọc T, sinh năm 1974; trú tại: Tổ dân phố ĐN, thị trấn HC, huyện B, tỉnh Vĩnh Phúc (vắng mặt).

+ Chị Nguyễn Thị Minh H, sinh năm 1985; trú tại: Tổ dân phố K, thị trấn HC, huyện B, tỉnh Vĩnh Phúc (vắng mặt).

+ Anh Trần Phú H1, sinh năm 1982; trú tại: Tổ dân phố M, phường K1, thành phố V, tỉnh Vĩnh Phúc (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Căn cứ tố giác tội phạm của quần chúng nhân dân về việc Dương Đức L có hành vi cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự. Ngày 05/6/2024, Cơ quan CSĐT – Công an thành phố V đã ra Lệnh khám xét khẩn cấp nơi ở của Dương Đức L tại số nhà 22, ngách 2, ngõ 4, đường LQ, phường K1, thành phố V, thu giữ vật chứng và tài liệu liên quan và làm rõ các hành vi phạm tội của Dương Đức L như sau:

Quá trình điều tra xác định: Vì ham lợi nhuận nên Dương Đức L tổ chức cho các cá nhân vay tiền với lãi suất cao. Số tiền gốc, tiền lãi thu được của các cá nhân đều được trả cho L bằng tiền mặt hoặc qua hình thức chuyển khoản. Số tiền này L sử dụng vào chi tiêu cá nhân. Những người vay tiền của L thì L sẽ thu tiền lãi tương ứng lãi suất từ 3.333đ đến 5.000đ/1.000.000đ tiền vay/01 ngày (từ 120% đến 182,5%/năm). Trong thời gian từ tháng 10 năm 2019 đến tháng 9 năm 2022, Dương Đức L đã trực tiếp cho 03 người vay tiền, lần lượt cụ thể từng người như sau:

1. Anh Trần Ngọc T, vay 02 lần, cụ thể như sau:

Ngày 09/9/2022 và ngày 14/9/2022, Dương Đức L cho anh Trần Ngọc T vay mỗi lần số tiền 10.000.000đ (tổng là 20.000.000đ) với lãi suất 3.333đ/1 triệu/01 ngày. L và anh T thỏa thuận cứ 01 tháng, anh T phải trả cho L số tiền lãi là 2.000.000đ. L sử dụng tài khoản số 107891861999 tại Ngân hàng Vietinbank mang tên Dương Đức L chuyển vào tài khoản số 100869684842 tại Ngân hàng Vietinbank mang tên Trần Ngọc T. Do ngày 09/9/2022, anh T vay 10.000.000đ, đến ngày 14/9/2022 lại vay tiếp số tiền 10.000.000đ nên L bắt đầu tính lãi của anh T từ ngày 14/9/2022 với tổng số tiền vay là 20.000.000đ, mỗi tháng anh T phải trả L 2.000.000đ tiền lãi. Từ ngày 17/10/2022 đến ngày 11/9/2023, anh T đã trả L 11 lần tổng là 23.200.000đ tiền lãi. Trong đó, tiền lãi L được phép thu theo Bộ luật dân sự cho phép là: 3.967.123đ; Tiền thu lời bất chính là: 19.232.877đ. Đến ngày 11/9/2023, anh T trả số tiền gốc vay là 20.000.000đ cho L.

2. Anh Nguyễn Kim G, vay tiền 02 lần, cụ thể như sau:

Lần 01: Ngày 20/01/2022, Dương Đức L cho anh G vay số tiền mặt

20.000.000đ với mức lãi suất 4.166đ/1.000.000đ/01 ngày, thỏa thuận tiền lãi mỗi tháng là 2.500.000đ. Số tiền lãi anh G đã trả cho L là 9.800.000đ. Khoản vay này, anh G đã trả tiền gốc cho L.

Lần 02: Ngày 04/5/2022, L cho anh G vay 10.000.000đ với lãi suất 4.166đ/1.000.000đ/01 ngày. Đến ngày 07/5/2022, L tiếp tục cho anh G vay 10.000.000đ cũng với lãi suất 4.166đ/1.000.000đ/01 ngày tương ứng với 1.250.000đ tiền lãi mỗi tháng. Hai lần vay này, L sử dụng tài khoản ngân hàng số 107891861999 tại ngân hàng Vietinbank mang tên Dương Đức L chuyển tiền vào tài khoản số 100899780888 tại ngân hàng Vietinbank mang tên Nguyễn Kim G. Do ngày 04/5/2022, anh G vay 10.000.000đ, đến ngày 07/5/2022 lại vay tiếp số tiền 10.000.000đ nên L bắt đầu tính tiền lãi của anh G từ ngày 07/5/2022 với tổng số tiền vay là 20.000.000đ, mỗi tháng trả 2.500.000đ. Anh G đã trả cho L 12.000.000đ tiền lãi và chưa trả tiền gốc.

Như vậy, tổng số tiền L đã cho anh G vay là 40.000.000đ. Tổng số tiền lãi L đã thu được của anh G là 21.800.000đ. Trong đó tiền lãi được phép thu theo quy định của Bộ luật dân sự là 3.375.343đ; tiền thu lời bất chính là 18.424.657đ.

3. Chị Nguyễn Thị Minh H, vay 02 lần, cụ thể như sau:

Lần 1: Cuối tháng 10/2019, L cho chị H vay 10.000.000đ, lãi xuất 3.333đ/1 triệu đồng/ngày tương ứng với 1.000.000đ tiền lãi một tháng. Đối với khoản vay này, L cắt lãi trước tiền lãi của một tháng là 1.000.000đ nên chỉ đưa cho chị H 9.000.000đ tiền mặt. Chị H đã dùng tài khoản số 42510000825111 tại Ngân hàng BIDV mang tên chị H chuyển tiền lãi đến số tài khoản 107891861999 tại Ngân hàng Vietinbank của L tổng tiền lãi là 3.000.000đ. Như vậy, tính cả tiền mà L cắt lãi trước thì chị H đã trả 4.000.000đ cho L.

Lần 2: Khoảng tháng 7/2020, L tiếp tục cho chị H vay 10.000.000đ với hình thức bốc bát họ, lãi suất là 5.000đ/1 triệu đồng/ngày, thời hạn vay là 50 ngày. L cắt lãi trước 2.500.000đ, đưa lại cho chị H 7.500.000đ tiền mặt tương ứng mỗi ngày chị H phải trả cho L 200.000đ tiền gốc vay. Chị H trả tiền gốc được khoảng 25 ngày = 5.000.000đ bằng hình thức trả tiền mặt và chuyển khoản sau đó không trả cho L nữa. Đến tháng 01/2023, L liên hệ được với chị H và yêu cầu chị H thanh toán cho L số tiền gốc 15.000.000đ (10.000.000đ của khoản vay tháng 10/2019 và 5.000.000đ của khoản vay tháng 7/2020) và cho trả dần hàng tháng không tính lãi thì chị H trả cho L được 4.000.000đ tiền mặt và chuyển khoản trả cho L vào các ngày 01/5/2023 số tiền 500.000đ, ngày 23/5/2023 số tiền 300.000đ, ngày 08/6/2023 số tiền 300.000đ, ngày 02/7/2023 số tiền 300.000đ vào tài khoản 107891861999 tại Ngân hàng Vietinbank của L, ngày 08/02/2024 trả số tiền 3.500.000đ vào tài khoản số: 19050110526014 ngân hàng Techcombank mang tên Trần Phú H1, sinh năm 1982, trú tại: TDP M, phường K1, thành phố V. Tiền lãi L đã thu của chị H là 2.500.000đ.

Đối với hai khoản vay trên, chị H còn nợ Dương Đức L 5.900.000đ tiền gốc, đã trả 6.500.000đ tiền lãi, trong đó tiền lãi được phép thu theo quy định của Bộ luật dân sự là 931.507đ, tiền thu lời bất chính là 5.568.493đ.

Như vậy, tổng số tiền L đã cho 03 người trên vay là 80.000.000đ. Tổng số tiền lãi L đã thu được của 03 người vay trên là 51.500.000đ, trong đó số tiền lãi mà L được phép thu theo quy định của Bộ luật dân sự là 8.273.973đ, số tiền

L đã thu lời bất chính là 43.226.027đ.

*** Kết quả sao kê tài khoản ngân hàng:**

Quá trình điều tra xác định Dương Đức L đã sử dụng số tài khoản 107891861999 tại Ngân hàng Vietinbank mang tên Dương Đức L để thực hiện hành vi Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự. Căn cứ tài liệu, chứng cứ đã thu giữ và lời khai của Dương Đức L cùng với những người liên quan, Cơ quan điều tra có Công văn yêu cầu Ngân hàng Vietinbank cung cấp thông tin khách hàng, sao kê giao dịch của Dương Đức L, cụ thể: Ngày 09/6/2024, Cơ quan CSĐT - Công an thành phố V có Công văn số 1052/YC-ĐCSHS gửi Ngân hàng Vietinbank Chi nhánh Vĩnh Phúc yêu cầu cung cấp thông tin khách hàng có số tài khoản 102871124952 và 107891861999, đồng thời sao kê giao dịch của khách hàng có sử dụng số tài khoản trên kể từ ngày 01/4/2019 đến ngày 31/12/2021.

Ngày 11/6/2024, Vietinbank Chi nhánh Vĩnh Phúc có Công văn số 671/CV-CNVP-DVKH, cung cấp thông tin: Số tài khoản 102871124952 và 107891861999 mở tại Ngân hàng Vietinbank - Chi nhánh Vĩnh Phúc, họ và tên: DUONG DUC LAM, ngày, tháng, năm sinh: 16/11/1986, địa chỉ: HC, B, Vĩnh Phúc, số CCCD: 026086006784, số điện thoại: 0965306333; kèm theo sao kê giao dịch từ ngày 01/4/2019 đến ngày 31/12/2021 được in sao ra đĩa DVD (BL: 56-58).

*** Kết quả trưng cầu giám định:**

- Ngày 12/8/2024, Cơ quan CSĐT Công an thành phố V ra Quyết định trưng cầu giám định số 2110 trưng cầu Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Vĩnh Phúc giám định kỹ thuật số điện tử đối với 01 điện thoại di động Iphone 14 Promax, màu tím, máy đã cũ và qua sử dụng với nội dung: Trích xuất toàn bộ dữ liệu tin nhắn SMS, Messenger, Zalo của điện thoại di động gửi giám định. Ngày 17/9/2024, Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Vĩnh Phúc có Bản kết luận giám định số 2691/KL-KTHS, kết luận:

“Tìm thấy dữ liệu tin nhắn SMS, Zalo, Facebook, Messenger theo yêu cầu gửi giám định, cụ thể:

- 1.072 (một nghìn không trăm bảy hai) tin nhắn SMS. Chi tiết được thể hiện trong file Excel tên “1. Tin nhắn SMS.xls” lưu trong đĩa DVD kèm theo.

- 1.844 (một nghìn tám trăm bốn mươi bốn) tin nhắn Facebook Messenger. Chi tiết được thể hiện trong file Excel “2. Tin nhắn Facebook.xls” lưu trong đĩa DVD kèm theo.

- 340.613 tin nhắn Zalo. Chi tiết được thể hiện trong file Excel “3. Tin nhắn SMS.xls” lưu trong đĩa DVD kèm theo.

Kèm theo Kết luận giám định 01 đĩa DVD lưu trữ 58,7 MB dữ liệu, trên mặt đĩa có chữ ký của Giám định viên

Hoàn lại đối tượng gửi giám định có đặc điểm mô tả như trên cho Cơ quan CSĐT – Công an thành phố V”.

Tại Cáo trạng số 190/CT-VKSTPVY ngày 31/10/2024 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố V truy tố: Dương Đức L về tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” quy định tại khoản 1 Điều 201 BLHS năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên trình bày lời luận tội đối với các bị cáo; giữ nguyên quyết định truy tố bị cáo như Cáo trạng, đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ khoản 1, 3 Điều 201, điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 36 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017, đề nghị xử phạt bị cáo từ 01 năm 03 tháng đến 01 năm 06 tháng cải tạo không giam giữ, được đối trừ 09 (chín) ngày bị cáo đã bị tạm giữ (từ ngày 06/6/2024 đến ngày 15/6/2024); phạt bổ sung từ 30.000.000đ đến 40.000.000đ.

Miễn việc khấu trừ thu nhập đối với bị cáo.

Ngoài ra đề nghị áp dụng các biện pháp tư pháp, xử lý vật chứng và án phí theo quy định.

Bị cáo không bào chữa và tranh luận gì. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các chứng cứ tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên và của Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử được thực hiện đầy đủ, đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo, những người tham gia tố tụng không có ý kiến hoặc khiếu nại gì về hành vi, quyết định của người tiến hành tố tụng. Do đó các quyết định, hành vi của người tiến hành tố tụng trong vụ án là hợp pháp.

[2] Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa, bị cáo Dương Đức L đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố V đã truy tố. Xét lời nhận tội của bị cáo hoàn toàn phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra, lời khai của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan và những tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Vì vậy, có đủ cơ sở để kết luận:

Trong khoảng thời gian từ tháng 10/2019 đến tháng 9/2022, Dương Đức L đã có hành vi sử dụng khoản tiền gốc ban đầu là 50.000.000 đồng rồi quay vòng cho chị Nguyễn Thị Minh H, anh Trần Ngọc T và anh Nguyễn Kim G vay tổng số tiền là 80.000.000 đồng với lãi suất từ 3.333đ đến 5.000đ/1.000.000đ/ngày, tương ứng với 120%/năm đến 182,5%/năm (gấp trên 05 lần mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật dân sự là 20%/năm), thu lời bất chính 43.226.027đ. Cụ thể như sau:

- Từ cuối tháng 10/2019 đến tháng 7/2020, L cho chị Nguyễn Thị Minh H vay 02 lần với tổng số tiền là 20.000.000đ, lãi suất từ 3.333đ đến 5.000đ/1.000.000đ/ngày. Chị H đã trả cho L 14.100.000đ tiền gốc (còn nợ lại 5.900.000đ) và 6.500.000đ tiền lãi, trong đó thu lời bất chính 5.568.493đ.

- Từ ngày 20/01/2022 đến ngày 04/5/2022, L cho anh Nguyễn Kim G vay 02 lần với tổng số tiền là 40.000.000đ, lãi suất 4.166đ/1.000.000đ/ngày. Đến nay, anh G đã trả được 20.000.000đ tiền gốc (còn nợ lại 20.000.000đ) và 21.800.000đ tiền lãi trong đó thu lời bất chính 18.424.657đ.

- Từ ngày 09/9/2022 đến ngày 14/9/2022, L cho anh Trần Ngọc T vay 02 lần với tổng số tiền là 20.000.000đ, lãi suất 3.333đ/1.000.000đ/ngày. Anh T đã trả cho L toàn bộ tiền gốc vay là 20.000.000đ và tiền lãi 23.200.000đ, thu lời bất

chính 19.232.877đ.

Hành vi nêu trên của Dương Đức L đã phạm vào tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” quy định tại khoản 1 Điều 201 BLHS năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Điều 201 BLHS tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” quy định:

“1. Người nào trong giao dịch dân sự mà cho vay với lãi suất gấp 05 lần trở lên của mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật dân sự, thu lợi bất chính từ 30.000.000 đồng đến dưới 100.000.000 đồng hoặc đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi này hoặc đã bị kết án về tội này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm, thì bị phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 200.000.000 đồng hoặc phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm

[3] Đây là vụ án cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự có tính chất ít nghiêm trọng. Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, không những xâm phạm trực tiếp đến trật tự quản lý kinh tế của Nhà nước trong lĩnh vực kinh doanh tiền tệ mà còn xâm phạm đến lợi ích của công dân được pháp luật bảo vệ, vì vậy cần phải xử lý nghiêm trước pháp luật mới có tác dụng giáo dục riêng và phòng ngừa chung.

[4] Xét nhân thân cũng như các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo thấy rằng:

Về tình tiết giảm nhẹ: Bị cáo được hưởng 01 tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 Bộ luật hình sự là thành khẩn khai báo.

Về tình tiết tăng nặng: Bản án hình sự sơ thẩm số 02/2010/HSST ngày 26/01/2010 của Tòa án nhân dân huyện B (đã áp dụng tình tiết tái phạm), Bản án hình sự sơ thẩm số 29/2012/HSST ngày 04/7/2012 của Tòa án nhân dân huyện B đã áp dụng điểm c khoản 2 Điều 133 Bộ luật hình sự năm 1999; đến thời điểm tháng 10 năm 2019 chưa được được xóa án tích, bị cáo lại thực hiện hành vi phạm tội do cố ý; nên bị cáo bị áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là “Tái phạm nguy hiểm” quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

Về nhân thân: Bị cáo là người có nhân thân xấu, năm 2005 bị Toà án nhân dân huyện T2 xử phạt 08 tháng tù về tội “trộm cắp tài sản”; năm 2010 bị Toà án nhân dân huyện B xử phạt 02 năm tù về tội “huỷ hoại tài sản” và năm 2012 bị Toà án nhân dân huyện B xử phạt 10 năm tù về tội “cướp tài tài sản”.

Hình phạt chính: Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử xem xét đánh giá khách quan, toàn diện vụ án cũng như tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của bị cáo để quyết định mức hình phạt phù hợp với tính chất, mức độ do hành vi phạm tội của bị cáo gây ra. Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 201 Bộ luật hình sự, Hội đồng xét xử thấy cần phải áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ đối với bị cáo để giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung. Thời gian tạm giữ bị cáo sẽ được trừ vào thời gian chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ, theo quy định cứ 01 ngày tạm giữ bằng 03 ngày cải tạo không giam giữ. Quá trình điều tra và tại phiên toà xác định bị cáo nghề nghiệp tự do, không có thu nhập ổn định, nên miễn việc khấu trừ thu nhập đối với bị cáo.

- Hình phạt bổ sung: Căn cứ quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo là phạt tiền.

[5] Biện pháp tư pháp và xử lý vật chứng.

- Cần truy thu để tịch thu sung vào ngân sách nhà nước của Dương Đức L số tiền gốc đã thu của chị Nguyễn Thị Minh H, anh Nguyễn Kim G và anh Trần Ngọc T là 24.100.000đ và số tiền lãi đã thu của chị H, anh G, anh T theo quy định 20%/năm là 8.273.974đ.

- Đối với số tiền 43.226.027đ là tiền Dương Đức L thu lòi bất chính từ việc cho 03 người vay lãi nặng, cần buộc L trả lại cho những người vay, cụ thể: Trả lại cho anh Nguyễn Kim G số tiền 18.424.657đ; anh Trần Ngọc T số tiền 19.232.877đ, chị Nguyễn Thị Minh H số tiền 5.568.493đ.

- Đối với số tiền gốc 25.900.000đ là tiền bị cáo cho chị H, anh G vay, nhưng những người vay chưa trả lại gồm: Chị Nguyễn Thị Minh H 5.900.000đ, anh Nguyễn Kim G 20.000.000đ; số tiền này là phương tiện để thực hiện tội phạm, nên cần truy thu số tiền vay của những người này để sung vào ngân sách nhà nước.

- Đối với 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 14 Promax, màu tím, máy đã cũ và qua sử dụng tạm giữ của Dương Đức L, quá trình điều tra xác định không liên quan đến hành vi phạm tội. Cần trả lại cho Dương Đức L nhưng tiếp tục tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

[6] Về vấn đề khác: Đối với Trần Phú H1, là người được Dương Đức L nhờ đến nhà chị Nguyễn Thị Minh H để lấy tiền gốc vay ngày 08/02/2024, quá trình điều tra và tại phiên tòa xác định, ngày 08/02/2024, L chỉ nhờ H1 đến gặp chị H để nhận tiền, L không nói cho H1 biết đó là tiền mà L cho chị H vay với lãi suất cao. H1 có nhận của chị H số tiền 3.500.000đ là tiền gốc mà chị H vay vào tài khoản của H1. Sau đó, H1 đã giao lại cho L toàn bộ số tiền này. Như vậy, H1 chỉ được L nhờ đến nhận tiền từ chị H mà không biết việc L cho chị H vay tiền với lãi suất cao, không được hưởng lợi gì từ việc thu hộ tiền này vì vậy, Cơ quan CSĐT Công an thành phố V không đề cập xử lý với Trần Phú H1.

Đối với Hợp đồng đặt cọc tiền mua bán đất không đề ngày tháng năm giữa chị Trần Thị X, địa chỉ: TDP V1, phường K1, thành phố V với anh Trần Mạnh Cường, địa chỉ: Vĩnh Thịnh, K1, V, Vĩnh Phúc và Văn bản thỏa thuận hủy bỏ hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất đề ngày 13/3/2024, là hợp đồng dân sự giữa anh Nguyễn Văn Q, SN 1983, HKTT: TT, V, Vĩnh Phúc với Dương Đức L thu giữ được trong quá trình khám xét khẩn cấp, quá trình điều tra xác định những giấy tờ trên không liên quan đến hành vi phạm tội cho vay lãi nặng của Dương Đức L. Cơ quan CSĐT- Công an thành phố V đã trả lại cho Dương Đức L, Dương Đức L đã nhận và không có ý kiến gì.

[7] Về án phí: Buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Tuyên bố bị cáo Dương Đức L phạm tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”.

- Căn cứ khoản 1, 3 Điều 201; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 36 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Dương Đức L 01 (một) năm 06 (sáu) tháng cải tạo không giam giữ, được đối trừ 09 (chín) ngày bị cáo đã bị tạm giữ (từ ngày 06/6/2024 đến

ngày 15/6/2024); thời gian chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ của bị cáo Dương Đức L còn phải chấp hành là 01 (một) năm 05 (năm) tháng 03 (ba) ngày. Thời hạn cải tạo không giam giữ đối với bị cáo Dương Đức L được tính từ ngày Cơ quan thi hành án hình sự có thẩm quyền nhận được quyết định thi hành án.

G bị cáo Dương Đức L cho Ủy ban nhân dân phường K1, thành phố V, tỉnh Vĩnh Phúc giám sát, giáo dục. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân phường K1, thành phố V trong việc giám sát, giáo dục người đó. Trong trường hợp bị cáo Dương Đức L vắng mặt ở nơi cư trú hoặc thay đổi nơi cư trú thì phải thực hiện theo quy định tại Điều 100 Luật Thi hành án hình sự.

Miễn việc khấu trừ thu nhập đối với bị cáo.

Về hình phạt bổ sung: Phạt bị cáo Dương Đức L phải nộp vào Ngân sách Nhà nước số tiền 30.000.000đ (ba mươi triệu đồng).

Căn cứ khoản 1 Điều 46; khoản 1, 2 Điều 47; khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự năm 2015; khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015:

- Truy thu của Dương Đức L số tiền gốc đã thu của chị Nguyễn Thị Minh H, anh Nguyễn Kim G và anh Trần Ngọc T là 24.100.000đ (hai mươi tư triệu, một trăm nghìn đồng) và số tiền lãi đã thu theo quy định 20%/năm là 8.273.974đ (tám triệu, hai trăm bảy mươi ba nghìn, chín trăm bảy mươi tư đồng), để sung vào ngân sách Nhà nước.

- Truy thu của chị Nguyễn Thị Minh H 5.900.000đ (năm triệu, chín trăm nghìn đồng), anh Nguyễn Kim G 20.000.000đ (hai mươi triệu đồng), để sung vào ngân sách nhà nước.

- Buộc Dương Đức L trả lại cho những người vay, cụ thể: Trả lại cho anh Nguyễn Kim G số tiền 18.424.657đ (mười tám triệu, bốn trăm hai mươi tư nghìn, sáu trăm năm mươi bảy đồng); anh Trần Ngọc T số tiền 19.232.877đ (mười chín triệu, hai trăm ba mươi hai nghìn, tám trăm bảy mươi bảy đồng), chị Nguyễn Thị Minh H số tiền 5.568.493đ (năm triệu, năm trăm sáu mươi tám nghìn, bốn trăm chín mươi ba đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật người có quyền có đơn yêu cầu thi hành án, nếu Dương Đức L không thanh toán số tiền nêu trên thì phải chịu lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015; nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

- Trả lại cho Dương Đức L 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 14 Promax, màu tím, máy đã cũ và qua sử dụng, nhưng tạm giữ để đảm bảo thi hành án (theo biên bản giao nhận vật chứng giữa Công an thành phố V và Chi cục Thi hành án dân sự thành phố V, tỉnh Vĩnh Phúc).

Căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Buộc bị cáo Dương Đức L phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng

mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án Dân sự./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Vĩnh Phúc;
- VKSND thành phố V;
- Công an thành phố V;
- Chi cục THADS thành phố V;
- Sở Tư pháp tỉnh Vĩnh Phúc;
- UBND phường K1;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, Văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Đặng Phú Lâm